

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**COỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2023/DS-ST

Ngày: 01-02-2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

Ông Mạc Hoàng Nhũ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 01 tháng 02 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 486/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 270/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Việt S, sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn Chơn E (Vắng mặt).

2. Bà Mai Thị U (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 3, thị trấn C, huyện PT, tỉnh Cà Mau.

3. Ông Nguyễn Văn C (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Tân Quảng Tây, xã NVK, huyện PT, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 10 năm 2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Việt S trình bày:

Vào ngày 02/02/2021, ông Nguyễn Chơn E có vay của ông số tiền 42.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận là 1,66%/tháng. Khi vay tiền ông Chơn E có ký tên biên nhận nợ, hẹn đến ngày 01/03/2021 thanh toán, đến hạn ông Chơn E không thanh toán cho ông tiền nợ gốc và lãi. Đến ngày 16/6/2021, ông Nguyễn Văn C (là cha ruột ông Chơn E) có ký giấy cam kết hẹn đến ngày 16/8/2021 nếu ông Nguyễn Chơn E không thanh toán nợ cho ông S thì ông trả

thay. Đến ngày 05/12/2021, ông Chon E đã thanh toán 12.000.000 đồng và ngày 01/06/2022, ông Chon E tiếp tục thanh toán 5.000.000 đồng. Tổng cộng ông Chon E đã thanh toán cho ông S 17.000.000 đồng, đối trừ số tiền đã thanh toán, ông Chon E còn nợ ông 25.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Chon E và bà Mai Thị U hiện là vợ chồng nên ông yêu cầu cả hai có trách nhiệm trả nợ cho ông.

Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Chon E, bà Mai Thị U và ông Nguyễn Văn C cùng trả cho ông 25.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 02/02/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Bị đơn ông Nguyễn Chon E, bà Mai Thị U và ông Nguyễn Văn C đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng ông Nguyễn Chon E, bà Mai Thị U và ông Nguyễn Văn C vắng mặt không lý do và không cung cấp lời khai, chứng cứ về việc khởi kiện của ông Nguyễn Việt S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- Việc ông Nguyễn Việt S khởi kiện ông Nguyễn Chon E, bà Mai Thị U và ông Nguyễn Văn C yêu cầu trả tiền nợ vay. Do đó, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; ông Nguyễn Chon E, bà Mai Thị U và ông Nguyễn Văn C là bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện PT, tỉnh Cà Mau, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Chon E, bà Mai Thị U và ông Nguyễn Văn C được Tòa án tổng đạt hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Chon E, bà Mai Thị U và ông Nguyễn Văn C.

- Xét về quan hệ tranh chấp: Việc tranh chấp giữa ông Nguyễn Việt S với ông Nguyễn Chon E, bà Mai Thị U và ông Nguyễn Văn C là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự 2015.

[2]. Về nội dung:

- Ông Nguyễn Việt S yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Chon E, bà Mai Thị U và ông Nguyễn Văn C trả cho ông số tiền nợ là 25.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Để chứng minh cho yêu cầu của mình, quá trình giải quyết vụ án, ông S có cung cấp cho Tòa giấy biên nhận nợ ngày 02/02/2021, ông Chon E có ký tên vào biên nhận nợ. Nội dung biên nhận, ông Chon E có vay của ông S số tiền 42.000.000 đồng. Tại đơn khởi kiện ngày 06/10/2022 và tại phiên tòa, ông S thừa nhận ông Nguyễn Chon E đã thanh toán cho ông 17.000.000 đồng vào các ngày 05/12/2021 và ngày 01/06/2022 nên số tiền này được đối trừ vào nợ gốc 42.000.000 đồng, như vậy ông Chon E còn nợ tiền vay

của ông S là 25.000.000 đồng. Đối với ông Nguyễn Chơn E, bà Mai Thị U và ông Nguyễn Văn C Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Nguyễn Chơn E, bà Mai Thị U và ông Nguyễn Văn C không có ý kiến gì về việc yêu cầu của ông S và không cung cấp tài liệu, chứng cứ để phản đối yêu cầu của ông S nên tự chịu trách nhiệm về việc không cung cấp tài liệu chứng cứ.

Tại thời điểm xét xử, ông Nguyễn Chơn E, bà Mai Thị U là vợ chồng, khoản nợ vay này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên bà Mai Thị U có nghĩa vụ liên đới cùng ông Nguyễn Chơn E thanh toán nợ vay của ông S.

Đối với ông Nguyễn Văn C, ngày 16/6/2021 ông C có ký giấy cam kết nêu đến ngày 16/8/2021 ông Nguyễn Chơn E không trả khoản nợ trên cho ông S thì ông đồng ý trả thay. Tại khoản 1 Điều 335 Bộ luật dân sự quy định *“Bảo lãnh là việc người thứ ba (sau đây gọi là bên bảo lãnh) cam kết với bên có quyền (sau đây gọi là bên nhận bảo lãnh) sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ (sau đây gọi là bên được bảo lãnh), nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ”*. Như vậy, đến ngày 16/8/2021, ông Nguyễn Chơn E không trả khoản nợ trên cho ông S nên yêu cầu của ông S buộc ông C liên đới cùng ông Nguyễn Chơn E trả nợ cho ông S là có căn cứ, được chấp nhận.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, yêu cầu của ông Nguyễn Việt S, buộc ông Nguyễn Chơn E, bà Mai Thị U và ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Việt S số tiền nợ vay 25.000.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về yêu cầu tính lãi suất: Tại biên nhận ngày 02/02/2021, có quy định thời hạn thanh toán là ngày 01/03/2021. Ông S cho rằng từ ngày 01/03/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm, ông Chơn E không thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết. Như vậy, ông Chơn E đã vi phạm thời hạn thanh toán từ ngày 01/03/2021 cho ông S, do đó, yêu cầu của ông Nguyễn Việt S buộc ông Nguyễn Chơn E phải có nghĩa vụ trả tiền lãi đối với số tiền nợ gốc là 25.000.000 đồng theo mức lãi suất quy định của Pháp luật tính từ ngày 02/02/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông S và ông Chơn E có thỏa thuận về lãi suất 1,66%/tháng là không vượt quá mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

Tiền lãi của số tiền vay 25.000.000 đồng từ ngày 02/02/2021 đến 01/02/2023 là 9.980.594 đồng. Tổng số tiền nợ gốc và lãi là 34.980.594 đồng.

Do đó, yêu cầu của ông Nguyễn Việt S buộc ông Nguyễn Chơn E, bà Mai Thị U và ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền nợ gốc và lãi là 34.980.594 đồng là có căn cứ được chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Việt S nên ông S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. ông Nguyễn Chơn E, bà Mai Thị U và ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 335, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt S. Buộc ông Nguyễn Chon E, bà Mai Thị U và ông Nguyễn Văn C cùng liên đới trả cho ông Nguyễn Việt S số tiền 34.980.594 đồng (Ba mươi bốn triệu chín trăm tám mươi nghìn năm trăm chín mươi bốn đồng). Trong đó, nợ gốc là 25.000.000 đồng, nợ lãi 9.980.594 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.749.030 đồng.

Ông Nguyễn Việt S không phải chịu án phí, ông S đã nộp tiền tạm ứng án phí 625.000 đồng (Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0018259 ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; Ông S được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc ông Nguyễn Chon E, bà Mai Thị U và ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.749.030 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Bình